

ĐỀ CƯƠNG LỊCH SỬ 10 – CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2022 – 2023

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Củng cố lại kiến thức trong chương trình cuối học kì I gồm các chủ đề 1, 2, 3.

2. Phẩm chất

- Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm trong quá trình ôn tập, làm bài kiểm tra.

3. Năng lực

- Năng lực chung: Tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề sáng tạo; ngôn ngữ .

- Năng lực chuyên biệt bộ môn lịch sử:

+ Tìm hiểu lịch sử.

+ Nhận thức và tư duy lịch sử.

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

II. ĐỀ CƯƠNG

1. Hướng dẫn đề cương theo chủ đề và bài

Bài 1: Hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức

- Trình bày được khái niệm lịch sử.

- Phân biệt được hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức.

- Giải thích được khái niệm sử học.

- Trình bày được đối tượng nghiên cứu của sử học.

- Nêu được chức năng, nhiệm vụ của sử học qua ví dụ cụ thể.

Bài 2: Tri thức lịch sử và cuộc sống

- Giải thích được sự cần thiết phải học tập lịch sử suốt đời.

- Thu thập thông tin, sử liệu, làm giàu tri thức lịch sử.

- Kết nối kiến thức, bài học lịch sử vào cuộc sống.

- Vận dụng kiến thức, bài học lịch sử để giải thích những vấn đề thời sự trong nước và thế giới, những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống (ở mức độ đơn giản).

- Quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hoá của dân tộc Việt Nam và thế giới.

Bài 4: Sử học với một số lĩnh vực, ngành nghề hiện đại

- Nêu được mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên.

- Có ý thức vận động các bạn và mọi người xung quanh cùng tham gia bảo vệ các di sản văn hóa, di sản thiên nhiên ở địa phương.

- Nêu được vai trò của lịch sử và văn hoá đối với sự phát triển du lịch.

- Nêu được tác động của du lịch với công tác bảo tồn di tích lịch sử, văn hoá.

Bài 5,6: Khái niệm văn minh và Một số nền văn minh phương Đông

- Giải thích được khái niệm văn minh.

- Phân biệt được khái niệm văn minh, văn hoá.

- Khái quát một số các thành tựu của văn minh Phương Đông, ý nghĩa, đặc điểm của những thành tựu đó.

- Tìm hiểu và giới thiệu được những công trình văn hoá tiêu biểu của văn minh phương Đông.

Bài 7: Một số nền văn minh phương Tây

- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh phương Tây thời cổ - trung đại.
- Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Hy Lạp - La Mã về chữ viết, thiên văn học, lịch pháp, văn học, nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo, thể thao.
- Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh thời Phục hưng về tư tưởng, văn học, nghệ thuật, khoa học - kĩ thuật, thiên văn học.
- Rút ra được đặc điểm của văn minh phương Tây.
- Tìm hiểu và giới thiệu được những công trình văn hoá tiêu biểu của văn minh phương Tây.
- So sánh điểm giống và khác nhau giữa văn minh phương Đông và phương Tây.

2. Đề minh họa

A - PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Toàn bộ những gì đã diễn ra trong quá khứ, tồn tại một cách khách quan không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người được gọi là

- A. lịch sử hiện thực.
- B. lịch sử được con người nhận thức.
- C. sự kiện tương lai.
- D. khoa học lịch sử.

Câu 2. Toàn bộ những tri thức, hiểu biết, những ý niệm và hình dung của con người về quá khứ được gọi là

- A. hiện thực lịch sử.
- B. lịch sử được con người nhận thức.
- C. sự kiện tương lai.
- D. khoa học lịch sử.

Câu 3. Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng về khái niệm lịch sử?

- A. Là những tưởng tượng của con người về các sự việc sắp diễn ra.
- B. Là tất cả những gì đã diễn ra trong quá khứ của xã hội loài người.
- C. Là các câu chuyện về quá khứ, hoặc tác phẩm ghi chép về quá khứ.
- D. Là một khoa học nghiên cứu về quá khứ của xã hội con người.

Câu 4. Điều gì có giá trị lớn đối với mỗi các nhân và xã hội, có mối liên hệ chặt chẽ với nhiều lĩnh vực của cuộc sống

- A. Tri thức lịch sử.
- B. Hiện thực lịch sử.
- C. Tri thức cuộc sống.
- D. Bài học kinh nghiệm cuộc sống

Câu 5. Quá trình khảo sát, tìm kiếm, sưu tầm và tập hợp những thông tin liên quan đến đối tượng học tập, nghiên cứu, tìm hiểu lịch sử được gọi là

- A. Xử lý thông tin và sử liệu.
- B. Sửa đổi và bổ sung sử liệu.
- C. Thu thập sử liệu.
- D. Làm giàu sử liệu.

Câu 6. Cần học tập lịch sử suốt đời vì tri thức lịch sử

- A. liên quan và ảnh hưởng quyết định đến tất cả mọi sự vật, hiện tượng.
- B. chưa hoàn toàn chính xác, cần sửa đổi và bổ sung thường xuyên.
- C. rất rộng lớn và đa dạng, lại biến đổi và phát triển không ngừng.
- D. giúp cá nhân hội nhập nhanh chóng vào cuộc sống hiện đại.

Câu 7. Trong việc phát triển du lịch, yếu tố nào sau đây có vai trò đặc biệt quan trọng?

- A. Kết quả hoạt động trong quá khứ của ngành du lịch.
- B. Hoạt động sản xuất của các nhà máy, xí nghiệp.
- C. Những giá trị về lịch sử, văn hoá truyền thống.
- D. Sự đổi mới, xây dựng lại các công trình di sản.

Câu 8. Ngành du lịch ngoài ra còn có tên gọi là ngành

- A. công nghiệp nặng.
- B. công nghiệp nhẹ.
- C. “công nghiệp không khói”.
- D. công nghiệp vũ trụ.

Câu 9. Hoạt động bảo tồn di sản cần đảm bảo

- A. tính nguyên trạng, “yếu tố gốc cấu thành di tích”, “tính xác thực”, “vẹn toàn”, “giá trị nổi bật”.

- B. tính nguyên trạng, “giá trị nổi bật” mà di tích lịch sử - văn hóa vốn có.
- C. về hiện vật, di tích cần được làm mới, tu bổ để hiện vật không bị mai một, xuống cấp.
- D. di tích hiện vật còn nguyên vẹn, chưa được tu bổ.

Câu 10. Các địa danh: Phố cổ Hà Nội, Cố đô Huế, Phố cổ Hội An (Quảng Nam), Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh),... có điểm chung cho phát triển du lịch là

- A. sức hấp dẫn của các yếu tố về lịch sử, văn hoá, cảnh quan.
- B. dân số đông, hoạt động kinh tế thuận lợi.
- C. cảnh quan hiện đại, đặc sắc và giao thông thuận lợi.
- D. có nhiều địa điểm giải trí có tính thẩm mỹ cao.

Câu 11. Khái niệm văn minh được hiểu là

- A. sự tiến bộ về vật chất và tinh thần của xã hội loài người
- B. tổng thể những nét riêng biệt về vật chất, tinh thần và trí tuệ
- C. bản sắc của một xã hội hoặc nhóm người trong xã hội
- D. những công trình do con người sáng tạo ra

Câu 12. Ba trung tâm văn minh lớn ở phương Đông thời kì cổ đại là

- A. Trung Hoa, Ai Cập, La Mã.
- B. Hy Lạp, La Mã, Ấn Độ.
- C. Ai Cập, Trung Hoa, Hy Lạp.
- D. Ai Cập, Ấn Độ, Trung Hoa.

Câu 13. Cư dân Ai Cập cổ đại sử dụng loại chữ viết nào sau đây?

- A. Chữ Hán.
- B. Chữ hình nêm.
- C. Chữ La-tinh.
- D. Chữ tượng hình.

Câu 14. Cư dân quốc gia cổ đại nào sau đây tìm ra chữ số “0”?

- A. Ai Cập.
- B. Ấn Độ.
- C. Lưỡng Hà.
- D. Trung Quốc.

Câu 15. Bốn phát minh quan trọng về kĩ thuật của cư dân Trung Hoa thời phong kiến là

- A. giấy, kỹ thuật in, la bàn, thuốc súng.
- B. giấy, kỹ thuật in, luyện sắt, thuốc súng.
- C. luyện sắt, làm đồ gốm, la bàn, thuốc súng.
- D. luyện sắt, thuốc súng, làm đường, làm đồ gốm.

Câu 16. Những tôn giáo nào sau đây có nguồn gốc từ Ấn Độ?

- A. Phật giáo và Hin-đu giáo.
- B. Hồi giáo và Ki-tô giáo.
- C. Đạo giáo và Hồi giáo.
- D. Nho giáo và Phật giáo.

Câu 17. Loại hình văn học nào sau đây ở Trung Hoa thời kì cổ - trung đại phản ánh toàn diện bộ mặt xã hội đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật?

- A. Kinh thi.
- B. Thơ Đường.
- C. Tiểu thuyết.
- D. Truyện truyền kì.

Câu 18. Những thành tựu khoa học - kĩ thuật của văn minh Ấn Độ thời cổ - trung đại đã

- A. góp phần thúc đẩy chế độ phong kiến ra đời sớm nhất ở phương Đông.
- B. tạo ra mối liên hệ về tri thức, khoa học giữa phương Đông và phương Tây.
- C. minh chứng cho sự ảnh hưởng của nền văn minh này đối với châu Âu.
- D. đóng góp quan trọng vào kho tàng tri thức của văn minh nhân loại.

Câu 19. Một trong bốn phát minh lớn của người Trung Hoa vào thời cổ - trung đại mà thế giới vẫn còn tiếp tục sử dụng đến ngày nay là

- A. la bàn.
- B. toán hình.
- C. thuyết nguyên tử.
- D. số không (0).

Câu 20. Người La Mã cổ đại đã sáng tạo ra loại chữ viết nào sau đây?

- A. Chữ Hán.
- B. Chữ hình nêm.
- C. Chữ Phạn.
- D. Chữ La-tinh.

Câu 21. Một thành tựu nổi bật về khoa học của Hy Lạp - La Mã là

- A. những hiểu biết về khoa học, chưa có tính khái quát cao.
- B. đưa loài người bước vào thời kì công nghiệp hóa đất nước.
- C. tìm ra được những định lí, định đề, tiên đề khoa học.
- D. cơ sở dẫn tới sự ra đời của văn minh Trung Hoa cổ đại.

Câu 22. Tôn giáo nào ra đời trong nền văn minh La Mã thời kì cổ đại ?

- A. Phật giáo. B. Thiên Chúa giáo. C. Hồi giáo. D. Hin-đô giáo.

Câu 23. Phong trào Văn hóa Phục hưng diễn ra đầu tiên ở quốc gia nào?

- A. Anh. B. I-ta-li-a. C. Tây Ban Nha. D. Pháp.

Câu 24: Lê-ô-na đờ Vanh-xi là một nhà danh họa, nhà điêu khắc nổi tiếng trong thời kì

- A. cổ đại Hy Lạp - La Mã. B. văn hóa Phục hưng.
C. phương Tây hiện đại. D. phương Đông cổ đại.

Câu 25. Ý nghĩa của Đại hội thể thao nổi tiếng ở Hy Lạp cổ đại (Ô-lim-píc) là

- A. thúc đẩy việc giao lưu kinh tế Đông - Tây.
B. cơ sở cho hình thành tổ chức khu vực.
C. đẩy mạnh việc hợp tác toàn cầu.
D. rèn luyện sức khỏe, giải trí, gắn kết.

Câu 26. Chữ viết của các quốc gia cổ đại Hy Lạp và La Mã có điểm nào sau đây?

- A. Sử dụng chữ tượng hình và tượng ý.
B. Dùng chữ viết để mô phỏng vật thể.
C. Đơn giản, ngắn gọn, mang tính khái quát cao.
D. Hoàn chỉnh, chính là hệ chữ La-tinh hiện nay.

Câu 27. Một trong những đặc điểm Triết học thời Phục hưng là

- A. phê phán triết học duy vật, lên án chế độ chiếm nô.
B. phê phán triết học duy tâm, lên án chế độ phong kiến.
C. đề cao quyền tự do cá nhân, đưa nhân dân lên nắm quyền.
D. ca ngợi vai trò của quần chúng nhân dân trong đấu tranh.

Câu 28. Các nhà văn hóa Phục hưng đề cao

- A. chế độ xã hội chủ nghĩa tiến bộ. B. chủ nghĩa duy tâm, siêu hình.
C. chế độ tư bản chủ nghĩa. D. chủ nghĩa duy vật, khoa học.

B- PHÂN TỰ LUẬN

Câu 29 (2,0 điểm).

Hoàn thành bảng so sánh điểm khác biệt giữa văn minh phương Đông và phương Tây cổ - trung đại sau:

Nội dung so sánh	Văn minh phương Đông	Văn minh phương Tây
Thời gian ra đời		
Tính hệ thống/khái quát		
Tính tập thể/ cá nhân		

Câu 30 (1,0 điểm).

Trong vai một hướng dẫn viên du lịch, hãy giới thiệu về công trình kiến trúc Lăng Ta-giơ Ma-han (Ấn Độ) theo các nội dung sau: địa điểm (thành phố/quốc gia), thời gian xây dựng, mục đích xây dựng, giá trị hiện nay.

-----HẾT -----